TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY BẮC** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2024/HNGĐ-ST.
Ngày: 31-12-2024.
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Nguyên**.
Các Hội thẩm nhân dân:
+ Bà **Phạm Thị Thu Vân**.
+ Ông **Đoàn Văn Em**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Trường Thịnh** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông **Lê Văn Bình** - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 272/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2024 về việc: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 289/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Lê Quốc V** - Sinh năm: 1991, địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị **Lê Thị C** - Sinh năm: 1993; địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Lê Quốc V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lê Thị C kết hôn vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre vào ngày 23/4/2015 và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, anh và chị C chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra tranh cãi làm cho cuộc sống của vợ chồng không còn hạnh phúc. Do không

thể tiếp tục chung sống với nhau nên anh và chị C đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2024 cho đến nay. Anh V cho rằng hôn nhân không còn hạnh phúc, không thể đoàn tụ được để tiếp tục cuộc sống chung của vợ chồng nên yêu cầu được ly hôn với chị C, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: Anh và chị C có một người con chung là: Lê Hoài An N - Sinh ngày 02/4/2019, hiện đang sống chung với chị C nên khi ly hôn thì anh V đồng ý để chị C được quyền nuôi con, anh cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức cấp dưỡng là 2.500.000VNĐ/tháng.

Về tài sản chung: Anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh V trình bày là không có.

Tại Bản khai, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn là chị Lê Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị đồng ý ly hôn với anh Lê Quốc V.

Về con chung: Chị yêu cầu được nuôi người con chung là: Lê Hoài An N - Sinh ngày 02/4/2019, hiện đang sống chung với chị, yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức cấp dưỡng là 2.500.000VNĐ/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa:

Anh Lê Quốc V, chị Lê Thị C vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre phát biểu: Thẩm phán thụ lý, giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn vắng mặt tại phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải là chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích, đánh giá lời trình bày của đương sự, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các điều 21, 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cụ thể:

(1) Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận anh Lê Quốc V và chị Lê Thị C thuận tình ly hôn.

(2) Về con chung: Giao cho chị Lê Thị C được quyền tiếp tục, trực tiếp nuôi người con chung là: Lê Hoài An N - Sinh ngày 02/4/2019 (hiện đang sống chung với chị C), anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức cấp dưỡng là 2.500.000VNĐ/tháng cho đến khi người con đủ mười tám tuổi.

(3) Về tài sản chung, về nợ chung: Không xem xét, giải quyết do không có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đây là vụ kiện về việc: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* là loại tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn là chị C có địa chỉ đăng ký thường trú tại: ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Chị C đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt tại phiên hòa giải vào ngày 04/11/2024, đồng thời anh V có đơn đề nghị không hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Anh V, chị C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt anh V, chị C là phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

[3.1] Anh V, chị C có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre vào ngày 23/4/2015, việc kết hôn là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được công nhận.

[3.2] Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự, biên bản xác minh nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định được anh V, chị C có phát sinh mâu thuẫn, đã sống ly thân từ tháng 05 năm 2024 đến nay mà không đoàn tụ được, không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau mà mạnh ai nấy sống; anh V cho rằng hôn nhân đã không còn hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với chị C, chị C cũng đồng ý ly hôn với anh V nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh V là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Anh V và chị C có một người con chung là Lê Hoài An N - Sinh ngày 02/4/2019. Cháu N hiện đang sống chung với chị C, anh V đồng ý để chị C tiếp tục nuôi con và anh sẽ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức cấp dưỡng là 2.500.000VNĐ/tháng. Chị C đồng ý tiếp tục nuôi con và đồng với mức cấp dưỡng nuôi con mà anh V đã đưa ra. Việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu, lời trình bày của anh V, chị C là phù hợp với quy định tại Điều 81 và Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được chấp nhận.

[5] Về cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung, về nợ chung: Không xem xét, giải quyết do không có yêu cầu.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh V phải chịu 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí về việc cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các điều 5, 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Quốc V được ly hôn với chị Lê Thị C.

2/ Về con chung:

Chị Lê Thị C được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi người con chung giữa chị với anh Lê Quốc V là: Lê Hoài An N - Sinh ngày 02/4/2019 (hiện đang sống chung với chị C) cho đến khi người con này đủ mười tám tuổi. Anh Lê Quốc V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức cấp dưỡng là 2.500.000VNĐ/tháng (hai triệu năm trăm ngàn đồng trên một tháng) kể từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi người con (Lê Hoài An N) đủ mười tám tuổi.

Anh Lê Quốc V có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở anh thực hiện quyền này. Trường hợp anh V lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì chị C có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh V.

Vì lợi ích của con chung, anh V, chị C hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, anh V, chị C có thể thỏa thuận việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, phương thức cấp dưỡng nuôi con; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3/ Về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung, về nợ chung: Không xem xét, giải quyết do không có yêu cầu.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lê Quốc V phải chịu 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí về việc cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng là 600.000VNĐ (sáu trăm ngàn đồng); nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004454 ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre; anh Lê Quốc V còn phải tiếp tục nộp 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5/ Về quyền kháng cáo: Anh Lê Quốc V, chị Lê Thị C có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm./.

6/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã Hòa Lộc;
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện Mỏ Cày Bắc;
- Phòng KTNV và THA-TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp, Bp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Văn Nguyên